

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHĨ SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23-08-2022
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHĨ SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Đức Danh
2. Ông Bùi Quốc Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Thị Hải Vân - Thư ký Tòa án nhân dân Thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 23/08/2022, tại hội trường xét xử TAND Thị xã Nghi Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/05/2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 07 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ph - Sinh năm: 1986

Địa chỉ hiện tại: Tổ dân phố T, phường H, thị xã N, tỉnh T

- Anh Đâu Văn Đ - Sinh năm: 1981

Địa chỉ: Thôn 16, xã N, thị xã N, tỉnh T

Tại phiên tòa vắng mặt chị Ph và anh Đ; Chị Ph có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn anh Đ vắng mặt không có lý do (đã được triệu tập hợp lệ 2 lần)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về hôn nhân:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày, các biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa chị Lê Thị Ph trình bày:**

Chị và anh Đ có tìm hiểu, tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 17/01/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc L, Thị xã N, tỉnh T. Trước khi lấy anh Đ thì chị đã có một đời chồng (đã ly hôn, còn anh Đ chưa xây dựng gia đình với ai).

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, anh Đ thường xuyên uống rượu, hay ghen tuông vô cớ chửi bới đánh đập con riêng của chị. Không có trách nhiệm với vợ con, vợ chồng không tin tưởng nhau nên thường xuyên xảy ra va chạm, không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, kéo dài, việc chung sống với nhau không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Mâu thuẫn của vợ chồng cũng đã được gia đình, bạn bè khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn và để bảo đảm an toàn đến tính mạng, sức khỏe của mẹ con chị nên nguyện vọng của chị là được ly hôn với anh Đ.

*** Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải anh Đậu Văn Đ trình bày:**

Về thời gian và điều kiện kết hôn như chị Ph khai là đúng. Khi cưới anh là thợ xây còn chị Ph làm công nhân giày Anora. Vợ chồng sống chung tại nhà riêng của chị Ph tại thôn T, phường H, thị xã N, tỉnh T. Do anh công việc, thu nhập không ổn Đ, lúc có thu nhập thì chị Ph quản lý chặt chẽ, hôm nào không có thu nhập thì chị Ph đuổi anh ra khỏi nhà, có nhiều lần chị Ph đánh đập, hành hạ anh. Mâu thuẫn của vợ chồng cũng đã được gia đình bên ngoại hòa giải nhưng không có kết quả. Bản thân anh vẫn còn tình cảm với vợ nên chị Ph đề nghị ly hôn thì anh không đồng ý mà để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung trưởng thành.

2. Về con chung:

* Ý kiến trình bày của chị Ph: Chúng tôi có 01 con chung là: Đậu Thị H - Sinh ngày 05/10/2020. Nay ly hôn nguyện vọng của chị là được nuôi cháu, việc cấp dưỡng nuôi con đề nghị giải quyết theo quy Đ.

* Ý kiến trình bày của anh Đ: Chúng tôi có 01 con chung là: Đậu Thị Hương - Sinh ngày 05/10/2020. Nay ly hôn nguyện vọng của anh là được nuôi cháu, việc cấp dưỡng nuôi con đề nghị giải quyết theo quy Đ. Còn nếu giao con cho chị Ph thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy Đ của pháp luật.

3. Về tài sản: Hai bên đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn tại phiên tòa:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy Đ của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn là chị Lê Thị Ph và bị đơn là anh Đậu Văn Đ đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy Đ của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm

2014; khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX tuyên:

- Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Ph được ly hôn anh Đậu Văn Đ.

- Về con chung: Giao cháu Đậu Thị H - Sinh ngày 05/10/2020 cho chị Ph tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ph 1.000.000 đồng/1tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 08/2022 cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi.

Anh Đ được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, chị Ph không được ngăn cấm.

-Về tài sản: Hai bên đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét;

- Án phí: Chị Ph phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo Đ kỳ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, chị Lê Thị Ph có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm của mình theo đơn khởi kiện. Còn anh Đậu Văn Đ mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ 2 lần nhưng anh Đ từ chối không nhận thủ tục tố tụng của Tòa án, cũng như không đến phiên tòa; Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Ph và anh Đậu Văn Đ là hôn nhân hợp pháp. Bởi lẽ anh chị tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/01/2020 tại Ủy ban nhân dân xã N, Thị xã N, tỉnh T và thực hiện đầy đủ thủ tục kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc chỉ được chỉ được một thời gian ngắn thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn mỗi người nài ra một nguyên nhân khác nhau, nhưng cả anh Đ và chị Ph đều thừa nhận mâu thuẫn của vợ chồng cũng đã gia đình, chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Trước khi lấy anh Đ chị Ph đã có một đời chồng nhưng đã ly hôn. Theo chị Ph thì anh Đ thường xuyên uống rượu, hay ghen tuông vô cớ chửi bới đánh đập con riêng của chị. Không có trách nhiệm với vợ con, vợ chồng không tin tưởng nhau nên thường xuyên xảy ra va chạm. Còn anh Đ lại cho rằng do anh công việc, thu nhập không ổn định, lúc có thu nhập thì chị Ph quản lý chặt chẽ, hôm nào không có thu nhập thì chị Ph đuổi anh ra khỏi nhà, có nhiều lần chị Ph đánh đập, hành hạ anh và hiện tại anh đã về nhà bố, mẹ mình ở xã N ở. Còn chị Ph và

các con vẫn ở nhà riêng của chị Ph tại Tổ dân phố T, phường H. Trên thực tế cứ mỗi lần anh Đ vào thăm con thì vợ chồng lại xảy ra xô xát và không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa **ai lo phận người đó và hoàn toàn cắt đứt về mặt tình cảm. Nay chị Ph xác Đ tình cảm của vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ. Còn anh Đ không đồng ý ly hôn vì anh xác Đ vẫn còn yêu thương chị Ph nên nguyện vọng của anh là vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi con chung trưởng thành.**

Xét nguyện vọng của các đương sự HĐXX thấy rằng: Chị Ph và anh Đ mỗi người đều có nguyện vọng riêng của mình và trái ngược quan điểm với nhau. Nhưng cả hai đều thừa nhận mâu thuẫn của vợ chồng và cách giải quyết mâu thuẫn đó trong thời gian qua, nhưng vẫn không có kết quả gì. Quá trình giải quyết Tòa án đã kiên trì hòa giải và giành thời gian để vợ chồng có điều kiện hàn gắn, nhưng cho đến trước phiên tòa hôm nay theo chị Ph thì vợ chồng mỗi người một nơi, vẫn không nói chuyện được với nhau. Hiện tại anh Đ đã về nhà bố, mẹ đẻ ở. Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng đã gay gắt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chị Ph có nguyện vọng xin được ly hôn với anh Đ là chính đáng. Căn cứ Điều 56 luật Hôn nhân Gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ph .

[3] Về con chung: Hai bên đương sự thống nhất vợ chồng có 01 con chung là:

Đậu Thị H - Sinh ngày 05/10/2020

Nay ly hôn cả chị Ph và anh Đ đều có nguyện vọng được nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con đề nghị giải quyết theo quy Đ của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 06/07/2022 của Tòa án đối với ông Nguyễn Văn H – Tổ trưởng tổ dân phố T, phường H nơi chị Ph và anh Đ sinh sống trước khi chị Ph có đơn ly hôn thể hiện: Về tình trạng hôn nhân của chị Ph và anh Đ không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do chị Ph có con riêng, anh Đ không chịu làm ăn, thường xuyên rượu chè rồi về nhà gây gỗ với vợ, con. Nhiều lần vợ chồng xô xát nhau đã được chính quyền địa Ph can thiệp, hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện tại anh Đ đã về xã N ở nhưng thỉnh thoảng vẫn xuống nhà chị Ph ở tổ dân phố T, phường H để gây gỗ làm mất an ninh trật tự ở địa Ph. Theo quan điểm của ông H thì thực tế cuộc sống hôn nhân của anh Đ và chị Ph không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án xem xét giải phóng cho hai bên được tự do. Về con chung: Anh Đ và chị Ph có 01 con chung là Đậu Thị H - Sinh năm: 2020, hiện tại cháu H đang ở với chị Ph ở tổ dân phố T, phường H. Việc giải quyết ly hôn ông đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết.

Xét nguyện vọng nuôi con của chị Ph và anh Đ đều là chính đáng. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án xét thấy hiện tại cháu H đang còn quá nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), cần phải có sự gần gũi, yêu thương, chăm sóc của mẹ. Mặt khác lâu nay cháu lại đang ở với chị Ph. Do đó để ổn Đ cuộc sống cho cháu nghĩ cần

tiếp tục giao cháu Đậu Thị H cho chị Ph nuôi dưỡng (khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình) là phù hợp và buộc anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Anh Đ được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung chị Ph không được ngăn cấm.

[4] Về tài sản: Hai bên đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Trong vụ án này, chị Ph phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; Anh Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo Đ kỳ.

Dành quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT Đ :

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Ph, cho chị Lê Thị Ph được ly hôn anh Đậu Văn Đ.

- Về con chung: Giao cháu: Đậu Thị H - Sinh ngày 05/10/2020 cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Đậu Văn Đ phải cấp dưỡng nuôi cháu H 1.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 08/2022 cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi. Anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, chị Ph không được cản trở.

- Án phí: Chị Lê Thị Ph phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số **AA/2021/0012139 ngày 25/05/2022** của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn; Chị Ph đã nộp đủ án phí theo biên lai nói trên.

Anh Đậu Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo Đ kỳ.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Ph và anh Đ tại phiên tòa. Tuyên chị Ph và anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại UBND xã (phường) nơi người đó cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án

dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hạnh